

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HS-ST
Ngày 07-03-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Thuần và ông Trần Văn Học

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2025, đối với bị cáo:

- **Kim Văn D**, sinh ngày 04 tháng 03 năm 1991 tại xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng phái: Không; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kim Văn B (đã chết) và bà Tạ Thị H; vợ: Nguyễn Thị Vĩnh Y; con: 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/12/2024 đến nay hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam khu vực Y (có mặt).

- Bị hại: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu E, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. (vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Kim Văn M, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. (vắng mặt).

+ Bà Kim Thị G, sinh năm 1943; địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị Vĩnh Y, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. (có mặt).

- Người làm chứng: Anh Bùi Văn Q, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn C, xã B,

huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Kim Văn D, sinh năm 1991; trú tại thôn Đ, Xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc và anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1990, trú tại tổ dân phố E, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đều có mối quan hệ quen biết với anh Bùi Văn Q, sinh năm 1991, trú tại thôn C, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Khoảng tháng 7/2022, thông qua anh Q, anh T biết được thông tin D muốn bán một thửa đất của D tại thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc nên anh T rủ anh Q cùng đến gặp D để xem thửa đất này. Quá trình xem xét thửa đất này, anh T nói vị trí đất xấu và muốn mua thửa đất rộng hơn. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên D nói dối anh T rằng D còn một thửa đất khác ở khu vực thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, có diện tích 120m² và có vị trí đẹp hơn. Sau đó, D dẫn anh T và anh Q đến thửa đất số 372, tờ bản đồ số 21, địa chỉ tại thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc có chủ sở hữu là bà Kim Thị G, sinh năm 1943, trú tại thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (Sau đó bà G đã tách cho con trai là anh Kim Văn M). Tại đây, D nói dối anh T rằng thửa đất này của bà G là thửa đất của bố D để lại, đang làm thủ tục sang tên cho D. Sau khi xem thửa đất và được D khẳng định như vậy, anh T tin tưởng và đồng ý mua thửa đất này. Ngày 03/8/2022, anh T soạn sẵn hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất kèm giấy biên nhận tiền rồi cùng anh Q đến xã B, huyện Y để gặp D và thỏa thuận, thống nhất việc mua bán đất. D và anh T thống nhất giá trị của thửa đất là 650.000.000đồng, anh T đặt cọc trước số tiền 20.000.000 đồng để mua thửa đất trên, số tiền còn lại sẽ được thanh toán theo tiến độ thủ tục sang tên thửa đất cho anh T, nếu D hoặc anh T vi phạm điều khoản trong hợp đồng thì phải bồi thường gấp 2 lần số tiền đặt cọc trên. Sau khi nhận số tiền 20.000.000đồng, D đã tiêu xài cá nhân hết. Khi anh T phát hiện thửa đất D bán cho anh T không phải của D thì anh T đã yêu cầu D trả tiền số tiền đã cọc và bồi thường theo hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên, do không có tiền nên D đã Không trả tiền cho anh T, chặn liên lạc và bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 06/3/2023, anh T đã gửi đơn trình báo đến Cơ quan Công an để giải quyết theo quy định. Quá trình điều tra xác định thửa đất Kim Văn D đã thỏa thuận ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng cho anh T vào ngày 03/8/2022 là thửa đất số 372, tờ bản đồ số 21, diện tích 208,4 m²; có địa chỉ tại thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, chủ sở hữu là bà Kim Thị G, sinh năm 1943, trú tại thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (Sau đó bà G đã tách cho con trai là anh Kim Văn M). Đến ngày 03/4/2023, thửa đất trên không có bất kỳ hồ sơ, thủ tục gì liên quan đến việc chuyển nhượng, ủy quyền chuyển nhượng, tách sổ tại UBND xã B. Tại Cơ quan điều tra, bà G cho biết không nhớ, ủy quyền cho ai bán thửa đất này của mình, bà

G cũng không biết việc Kim Văn D ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất của bà G và nhận tiền đặt cọc nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 21/CT-VKSYL ngày 09/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố Kim Văn D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Kim Văn D khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Kim Văn D vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Đối với phần trách nhiệm dân sự, gia đình bị cáo Kim Văn D đã bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng sau khi nhận anh T không có yêu cầu gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Kim Văn D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Kim Văn D từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 04/12/2024.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn bố chết sớm, không có chỗ ở ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Bị cáo D không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, xong quá trình điều tra đã trình bày các nội dung phù hợp với lời khai của bị cáo cùng các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa đại diện bị hại vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, không có yêu cầu bồi thường về dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, tuy nhiên quá trình điều tra đã có đủ lời khai không có yêu cầu gì nên sự vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Kim Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, ngày 03/8/2022, Kim Văn D đã đưa ra thông tin gian dối về thửa đất số 372, tờ bản đồ số 21, diện tích 208,4 m²; có địa chỉ tại thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, chủ sở hữu là bà Kim Thị G, sinh năm 1943, trú tại thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, lợi dụng lòng tin của anh Nguyễn Đức T để thỏa thuận ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nhằm chiếm đoạt số tiền cọc là 20.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Kim Văn D đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hình phạt từ cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt tù đến 03 năm nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng.

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tác động với gia đình bồi thường khắc phục được

toàn bộ hậu quả; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Mặc dù trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng hành vi được thực hiện với lỗi cố ý, động cơ mục đích của tội phạm là nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại với số tiền 20.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được bị cáo đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết, chặn số điện thoại bỏ trốn khỏi địa phương. Do đó cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung. Mặc khác, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn bố chết sớm, không có chỗ ở ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị Vĩnh Y, sinh năm 2001, trú tại xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (là vợ của Kim Văn D) đã dùng số tiền do vợ chồng chị Y làm ăn, tích góp trước khi D phạm tội mà có trả cho anh T số tiền 20.000.000 đồng nêu trên. Anh T1 đã nhận đủ số tiền trên, không có yêu cầu, đề nghị gì khác, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho D nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với anh Bùi Văn Q, quá trình điều tra xác định Q chỉ đi xem đất cùng anh T1, biết và chứng kiến việc D và anh T1 thỏa thuận, ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên. Q không biết chủ sở hữu thửa đất trong hợp đồng là bà G, không hưởng lợi gì từ việc D bán đất cho anh T1. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với Q là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Về vật chứng: Quá trình điều tra đã thu giữ 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất kèm giấy biên nhận tiền ngày 03/8/2022 bản gốc đây là tài liệu, chứng cứ dùng để chứng minh tội phạm nên cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Kim Văn D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Kim Văn D 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam ngày 04/12/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại dân sự giữa bị cáo và bị hại số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Xác nhận bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí: Buộc bị cáo Kim Văn D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt theo quy định./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam khu vực Yên Lạc;
- Chi cục thi hành án huyện Yên Lạc;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Hoàng Tuấn Mạnh

